

## BẢNG GIÁ BÁN CĂN HỘ THỦ THIÊM XANH

16

STT	MÔ TẢ CĂN HỘ						DIỆN TÍCH	ĐƠN GIÁ (chưa bao gồm VAT)	TỔNG GIÁ TRỊ THANH TOÁN (chưa bao gồm VAT)	TỔNG GIÁ TRỊ THANH TOÁN (đã bao gồm VAT)	Đợt 1-7	Đợt 8	Đợt 9	Phí Bảo trì
	TẦNG	LOẠI	Vị Trí	Hướng	P.NGŨ	Ký hiệu					(m2)	(VNĐ/m2)	(VNĐ)	(VNĐ)
1	16	A1-1	Góc	TN-TB	3	<b>16-A1-1</b>	91.20	16.880.000	1.539.456.000	1.693.401.600	169.340.160	423.350.400	84.670.080	27.990.109
2	16	A1-7	Góc	ĐB-TB	3	<b>16-A1-7</b>	91.20	16.880.000	1.539.456.000	1.693.401.600	169.340.160	423.350.400	84.670.080	27.990.109
3	16	A2-3		TB	2	<b>16-A2-3</b>	59.80	16.550.000	989.690.000	1.088.659.000	108.865.900	272.164.750	54.432.950	17.994.364
4	16	A2-5		TB	2	<b>16-A2-5</b>	59.80	16.550.000	989.690.000	1.088.659.000	108.865.900	272.164.750	54.432.950	17.994.364
5	16	A3-2	Góc	TN-ĐN	2	<b>16-A3-2</b>	60.10	16.880.000	1.014.488.000	1.115.936.800	111.593.680	278.984.200	55.796.840	18.445.236
6	16	A4-4		ĐN	2	<b>16-A4-4</b>	60.20	16.550.000	996.310.000	1.095.941.000	109.594.100	273.985.250	54.797.050	18.114.727
7	16	A5-6	Góc	ĐB-ĐN	3	<b>16-A5-6</b>	108.90	16.880.000	1.838.232.000	2.022.055.200	202.205.520	505.513.800	101.102.760	33.422.400
8	16	B1-1	Góc	ĐB-TB	2	<b>16-B1-1</b>	60.70	16.880.000	1.024.616.000	1.127.077.600	112.707.760	281.769.400	56.353.880	18.629.382
9	16	B2-2	Góc	TB-TN	2	<b>16-B2-2</b>	59.60	16.880.000	1.006.048.000	1.106.652.800	110.665.280	276.663.200	55.332.640	18.291.782
10	16	B2-3		ĐB	2	<b>16-B2-3</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
11	16	B2-4		TN	2	<b>16-B2-4</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
12	16	B2-5		ĐB	2	<b>16-B2-5</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
13	16	B2-6		TN	2	<b>16-B2-6</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
14	16	B2-8		TN	2	<b>16-B2-8</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
15	16	B2-9		ĐB	2	<b>16-B2-9</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
16	16	B2-10		TN	2	<b>16-B2-10</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
17	16	B2-12		TN	2	<b>16-B2-12</b>	59.60	16.550.000	986.380.000	1.085.018.000	108.501.800	271.254.500	54.250.900	17.934.182
18	16	B3-7		ĐB	2	<b>16-B3-7</b>	61.50	16.550.000	1.017.825.000	1.119.607.500	111.960.750	279.901.875	55.980.375	18.505.909
19	16	B4-11	Góc	ĐB-ĐN	2	<b>16-B4-11</b>	60.50	16.880.000	1.021.240.000	1.123.364.000	112.336.400	280.841.000	56.168.200	18.568.000
20	16	B4-14	Góc	TN-ĐN	2	<b>16-B4-14</b>	60.50	16.880.000	1.021.240.000	1.123.364.000	112.336.400	280.841.000	56.168.200	18.568.000